

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 07-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Đào

Ông Đinh Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 25/5/2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 05/5/1962, tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: Lớp 3/10. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1 và bà Mai Thị T (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị D và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: 02: Ngày 01/6/2015, Trần Văn T bị Công an xã Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Lãng mạn, chửi chửi, xúc phạm danh dự nhân phẩm thành viên trong gia đình*”; Ngày 02/3/2016, Trần Văn T bị Công an xã Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại sức khỏe người khác*”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16 tháng 12 năm 2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Công an huyện B

Địa chỉ: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo hợp pháp: Ông Lương Đức H, sinh năm 1986, chức vụ: Đội trưởng Đội văn phòng tổng hợp Công an huyện B. Vắng mặt tại phiên tòa

2. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện hợp pháp: Ông Nông Văn B, sinh năm 1971, chức vụ: Phó chủ tịch. Có mặt tại phiên tòa

3. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tập thể Công an huyện B (Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn). Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Lưu Kế L, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

****Người làm chứng:***

1. Anh Trần Văn N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lộc Hữu N, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nông Văn T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Tập thể Công an huyện B (Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn). Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tập thể Công an huyện B (Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn). Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Bàn Phúc M, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Tập thể Công an huyện B (Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h00' ngày 30/10/2017, Trần Văn T, sinh năm 1962 đang ở nhà tại thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì anh Trần Văn N, sinh năm 1990 (con trai của T) đi chơi về, lúc đó bà Hoàng Thị D (vợ của T) có bảo N vào phòng đi ngủ, bực tức vì N đi chơi về muộn nên T chửi mắng và đuổi N ra khỏi nhà, N không nói gì mà vẫn nằm trong phòng. Sau đó T tiếp tục đuổi N đi, N lấy túi quần áo ở giường đi ra chỗ xe máy đang dựng ở sân trước cửa nhà định bỏ đi thì bà D nói với N là *“mẹ con mình cùng đi, chứ ở lại cũng bị ông ấy đánh”* rồi bà D đi ra cùng N và đứng ở sân đợi N lấy xe, khi N định lấy xe máy đi thì T chặn lại, dùng một con tiện gỗ và một con dao quắm gỗ vào xe của N không cho N lấy đi và nói *“mày đi thì con xe này nát với tao”* lúc đó N tức giận và cãi lại T *“kiểu gì hôm nay tao cũng phải đánh mày”*, T chạy vào nhà lấy một chiếc quạt cây ném về phía N, N giơ tay đỡ và tránh nên không trúng, N chạy ra chuồng lợn lấy một chiếc thuổng quay lại cửa nhà vụt về phía T và trúng vào mặt T, T ngã xuống lúc này N quay lại định lấy xe máy đi thì T vùng dậy chạy ra hiên nhà, thấy vậy bà D gọi N *“N ơi chạy đi”* rồi N và bà D chạy ra hướng đường liên thôn, thấy hai mẹ con N chạy, T dùng tay phải ném con dao quắm về phía N và bà D để gây thương tích cho hai mẹ con bà D nhằm làm cho hai mẹ con bà D sợ không dám bỏ nhà đi, con dao trúng vào chân bà D làm bà D bị gãy xương, đứt gân chân phải. Sau đó, N cõng bà D ra ngoài và nhờ anh Hà Lưu Đ trú cùng thôn đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi xảy ra vụ việc, Công an xã Q mời Trần Văn T lên UBND xã và phối hợp với Công an huyện B để làm rõ vụ việc, quá trình làm việc (tại phòng làm việc của Ban công an xã), T khai báo không thành khẩn, tỏ thái độ không chấp hành, không ký biên bản. Khi tổ công tác Công an huyện B do anh Bàn Phúc M – Tổ trưởng (các thành viên khác gồm: anh Hoàng Văn D, anh Nguyễn Văn C) yêu cầu T tự giác giao nộp những đồ vật trong người thì T lấy chiếc ví để lên trên bàn làm việc, rồi bất ngờ rút tay trái (vẫn đút trong túi quần bên trái) cầm theo một con dao (loại dao dọc giấy) đâm về phía anh M đang đứng bên tay trái T, sượt qua tay anh M làm anh M ngã ra phía ngoài cửa, lúc này T vùng dậy đi ra phía ngoài sân UBND xã Q, các đồng chí trong tổ công tác hô hoán yêu cầu T dừng lại nhưng T không chấp hành, khi đó anh Lưu Kế L – Trưởng Công an xã Q đứng ở chốt bảo vệ của UBND xã chạy về phía T giơ tay ra để giữ T thì tay trái T cầm dao đâm về phía anh L trúng vào cánh tay phải làm rách 02 chiếc áo anh L đang mặc. T tiếp tục chạy ra đường Quốc lộ 3B theo hướng ra thành phố B, chạy được khoảng 200m thì T rẽ lên taluy dương ở bên phải đường, lúc này các đồng chí trong tổ công tác đuổi kịp và áp sát T, T quay lại dùng dao chống trả và đâm về phía anh Hoàng Văn D làm anh D bị rách áo và rách da ở lưng, sau đó tổ công tác khống chế T đưa về Công an huyện B để làm việc.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 103/GĐPY ngày 15/11/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Tỷ lệ thương tật toàn bộ của bà Hoàng Thị D là 33%, vật gây thương tích là vật sắc.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 04/GĐPY ngày 12/12/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Tỷ lệ thương tật toàn bộ của anh Hoàng Văn D là 0%.

- Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐGTS ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận giá trị thiệt hại của các tài sản trong vụ án như sau:

+ 01 (một) chiếc quạt cây màu trắng bị gãy toàn bộ phần cánh quạt = 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng).

+ 01 (một) chiếc áo phao màu xanh, tại phần lưng áo có vết rách hình chữ “L” kích thước 03 x 03cm = 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng).

+ 01 (một) áo khoác gió (có lót nỉ bên trong) màu xám đen, tại tay áo bên phải có vết rách dài 2,5cm = 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng).

+ 01 (một) áo phao màu đen tại tay áo bên phải có vết rách vải hình chữ “T” để lộ bông trắng kích thước 02x03cm = 10.000đ (Mười nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-BT ngày 03/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134/ BLHS 2015 và tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 257/ BLHS;

*** Điều 134/BLHS 2015 có nội dung:**

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) ...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

*** Điều 257/BLHS 1999 có nội dung:**

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...”

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 50/BLHS tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của các tội. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Hoàng Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công an huyện B, Ủy ban nhân dân xã Q, anh Hoàng Văn D, anh Lưu Kế L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dao quắm bằng sắt màu đen, lưỡi dao dài 34cm tra cán gỗ dài 18cm, dao có một lưỡi sắc.

+ 01 (một) con tiện bằng gỗ (chấn song cửa) dài 43cm.

+ 01 (một) chiếc quạt cây màu trắng bị gãy toàn bộ phần cánh.

+ 02 (hai) chân dép nhựa màu xanh.

+ 01 (một) vật bằng sắt màu đen đã han rỉ (đầu thuổng) dài 27cm, rộng 03cm.

+ 01 (một) gậy gỗ tròn dài 97cm, đường kính 03cm có một đầu nhọn (cán thuổng).

+ 01 (một) con dao (loại dao rọc giấy) dài 17cm, rộng 1,8cm.

+ 01 (một) áo khoác gió (có lót nỉ bên trong) màu xám đen, tại tay áo bên phải có vết rách vải dài 2,5cm.

+ 01 (một) áo phao màu đen tại tay áo bên phải có vết rách vải hình chữ “T” để lộ bông trắng kích thước 02x03cm, mặt trong tay áo có vết rách vải dài 03cm.

+ 01 (một) áo phao màu xanh, tại phần lưng áo có vết rách hình chữ “L” kích thước 03x03cm, tại phần lưng áo bên phải có nhiều vết rách, chầy xước vải trong diện tích 11x04cm.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) ví màu nâu.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu và nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, anh D, anh L đề nghị HĐXX tiêu hủy 03 chiếc áo là vật chứng của vụ án và đề nghị xử lý bị cáo T theo quy định của pháp luật.

Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 30/10/2017 tại nhà ở của Trần Văn T thuộc thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Do mâu thuẫn bức tức và cãi chửi nhau với Trần Văn N do N đi chơi về muộn, sau đó T đuổi N đi. Khi N và bà Hoàng Thị D bỏ đi thì Trần Văn T đã có hành vi chặn xe của N. Giữa N và T xảy ra xô xát. Khi N và bà D bỏ đi ra đến cổng thì T dùng tay phải ném con dao quắm trúng vào chân bà D gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 33% (Ba mươi ba phần trăm).

Sau khi gây thương tích cho bà D, bị cáo T đã đến Trạm y tế xã Q lau rửa vết máu do xô xát với N và được mời đến Công an xã Q để làm rõ hành vi dùng dao quắm ném vào chân bà D. Quá trình làm việc với tổ Công tác Công an huyện B và Công an xã Q tại UBND xã Q về việc T đã có hành vi gây thương tích cho bà D, T không chấp hành và có hành vi chống đối, dùng dao đâm các thành viên trong tổ công tác làm rách áo của 02 người và làm rách da lưng anh Hoàng Văn D. Việc tổ công tác của Công an huyện B, Công an xã Q tiến hành làm việc với Trần Văn T là theo sự phân công của Trưởng Công an huyện B. Khi làm việc với Trần Văn T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và Trần Văn T biết rõ đang được làm việc với các đồng chí ở Công an huyện B và Công an xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 30 và 31/10/2017 do đó hành vi Trần Văn T dùng dao quắm gây thương tích cho bà Hoàng Thị D đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm...;

...

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm”.

Tuy nhiên, tại điểm c, khoản 3, điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Như vậy, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Vận dụng các quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều nên việc truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c, khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ.

Hành vi Trần Văn T, chống đối, dùng dao đâm các cán bộ Công an thuộc Tổ công tác Công an huyện B và Công an xã Q đã phạm vào tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo Khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo T về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1, Điều 257/BLHS là đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 01/6/2015, Trần Văn T bị Công an xã Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Lãng mạ, chửi chửi, xúc phạm danh dự nhân phẩm thành viên trong gia đình*”, mức phạt 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Ngày 02/3/2016, Trần Văn T bị Công an xã Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại sức khỏe người khác*” mức phạt 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện bị cáo T chưa chấp hành 02 quyết định xử phạt này. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS.

[4]. + Đối với Trần Văn N: Ngày 30/10/2017 đã có hành vi đánh nhau với Trần Văn T. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo T đã từ chối giám định đối với thương tích N gây ra cho mình. Do đó chưa đủ căn cứ để xác định hành vi của N cấu thành tội Cố ý gây thương tích nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B chuyển xử lý bằng biện pháp khác. Sau khi xảy ra vụ án, N không có yêu cầu, đề nghị gì.

+ Đối với Công an huyện B và Ủy ban nhân dân xã Q: Ngày 30/10/2017, Công an huyện B đã thành lập tổ công tác phối hợp với Công an xã Q giải quyết vụ việc Trần Văn T gây thương tích cho vợ là Hoàng Thị D, sau đó T đã có hành vi chống đối, dùng dao tấn công các thành viên trong tổ công tác. Sau khi xảy ra vụ án, Công an huyện B và Ủy ban nhân dân xã Q đề nghị xử lý hành vi vi phạm của T và không yêu cầu, đề nghị bồi thường gì.

+ Đối với các thành viên trong tổ Công tác Công an huyện B và Công an xã Q:

Quá trình phối hợp giải quyết vụ việc, anh Bàn Phúc M, anh Hoàng Văn D (cán bộ Công an huyện B) và anh Lưu Kế L (Trưởng Công an xã Q) bị Trần Văn T dùng dao đâm làm anh L bị rách 02 (hai) chiếc áo khoác, anh D bị rách 01 (một) chiếc áo khoác và bị rách da ở lưng. Sau khi xảy ra vụ án, anh M, anh D, anh L đề nghị xử lý hành vi vi phạm của T và không yêu cầu, đề nghị bị cáo T bồi thường gì.

Các thành viên khác trong tổ công tác là: anh Nguyễn Văn C (cán bộ Công an huyện B), anh Lộc Hữu N (Phó trưởng Công an xã Q) tham gia giải quyết vụ việc và không chế T nhưng không bị thương tích và thiệt hại về tài sản. Sau khi xảy ra vụ án, anh C, anh N đề nghị xử lý hành vi vi phạm của bị cáo T và không yêu cầu, đề nghị gì khác.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Hoàng Thị D, anh D, anh L, Công an huyện B, UBND xã Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng:

+ 01 (một) con dao quắm bằng sắt màu đen, lưỡi dao dài 34cm tra cán gỗ dài 18cm, dao có một lưỡi sắc.

+ 01 (một) con tiện bằng gỗ (chấn song cửa) dài 43cm.

+ 01 (một) chiếc quạt cây màu trắng bị gãy toàn bộ phần cánh.

+ 02 (hai) chân dép nhựa màu xanh.

+ 01 (một) vật bằng sắt màu đen đã han rỉ (đầu thuổng) dài 27cm, rộng 03cm.

+ 01 (một) gậy gỗ tròn dài 97cm, đường kính 03cm có một đầu nhọn (cán thuổng).

+ 01 (một) con dao (loại dao dọc giấy) dài 17cm, rộng 1,8cm.

+ 01 (một) áo khoác gió (có lót nỉ bên trong) màu xám đen, tại tay áo bên phải có vết rách vải dài 2,5cm.

+ 01 (một) áo phao màu đen tại tay áo bên phải có vết rách vải hình chữ “T” để lộ bông trắng kích thước 02x03cm, mặt trong tay áo có vết rách vải dài 03cm.

+ 01 (một) áo phao màu xanh, tại phần lưng áo có vết rách hình chữ “L” kích thước 03x03cm, tại phần lưng áo bên phải có nhiều vết rách, chầy xước vải trong diện tích kích thước 11x04cm.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) ví màu nâu.

[7]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố**: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Chống người thi hành công vụ”.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 05 (Năm) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 50/BLHS: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2017.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng:

+ 01 (một) con dao quắm bằng sắt màu đen, lưỡi dao dài 34cm tra cán gỗ dài 18cm, dao có một lưỡi sắc.

+ 01 (một) con tiện bằng gỗ (chấn song cửa) dài 43cm.

+ 01 (một) chiếc quạt cây màu trắng bị gãy toàn bộ phần cánh.

+ 02 (hai) chân dép nhựa màu xanh.

+ 01 (một) vật bằng sắt màu đen đã han rỉ (đầu thuổng) dài 27cm, rộng 03cm.

+ 01 (một) gậy gỗ tròn dài 97cm, đường kính 03cm có một đầu nhọn (cán thuổng).

+ 01 (một) con dao (loại dao dọc giấy) dài 17cm, rộng 1,8cm.

+ 01 (một) áo khoác gió (có lót nỉ bên trong) màu xám đen, tại tay áo bên phải có vết rách vải dài 2,5cm.

+ 01 (một) áo phao màu đen tại tay áo bên phải có vết rách vải hình chữ “T” để lộ bông trắng kích thước 02x03cm, mặt trong tay áo có vết rách vải dài 03cm.

+ 01 (một) áo phao màu xanh, tại phần lưng áo có vết rách hình chữ “L” kích thước 03x03cm, tại phần lưng áo bên phải có nhiều vết rách, chầy xước vải trong diện tích kích thước 11x04cm.

+ Trả lại cho bị cáo 01 (một) ví màu nâu.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 1
- NCQLNVLQ 4
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy

